TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2022/HNGĐ-PT
Ngày: 13/7/2022
V/v tranh chấp: "*Ly hôn*"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lưu Thị Thu Thủy.

Các Thẩm phán: + Ông Huỳnh Văn Ngoan

+ Bà Hoàng Thị Thơ

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Lê Thị Liên - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Xuân - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 14/2022/TLPT-HNGĐ ngày 16 tháng 5 năm 2022 về tranh chấp *"Ly hôn"*.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Caí Bè, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 100/2022/QĐ-PT ngày 25 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Võ Thị L, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp MQ, xã HMP, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Văn Mười B sinh năm 1973 (có mặt);

Địa chỉ: ấp MQ, xã HMP, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Người kháng cáo: Bị đơn – anh Phạm Văn Mười B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo án sơ thẩm:

Nguyên đơn- chị Võ Thị L trình bày: Chị và anh Phạm Văn Mười B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, chị nhiều lần khuyên can nhưng anh không sửa đổi, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Chị yêu cầu được ly hôn với anh Phạm Văn Mười B.

Về con chung: Quá trình chung sống anh chị có 03 người con chung tên Phạm Văn Vủ L, sinh ngày 27/11/1996; Phạm Thị Thùy L, sinh ngày 01/8/2002; Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2012. Cháu Vủ L và Thùy L đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Khi ly hôn, chị yêu cầu được n

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn - anh Phạm Văn Mười B đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh không cung cấp ý kiến đối với vụ kiện và vắng mặt không rõ lý do.

Tại Bản án Hôn nhân sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Caí Bè, tỉnh Tiền Giang đã xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Võ Thị L. Cho chị Võ Thị L được ly hôn với anh Phạm Văn Mười B.

2. Về con chung: Giao con chung tên Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2012 cho chị L nuôi dưỡng.

-Anh Phạm Văn Mười B không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

-Anh Phạm Văn Mười B được quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định.

Ngày 10/3/2022, anh Phạm Văn Mười B có đơn kháng cáo không đồng ý ly hôn và muốn hàn gắn gia đình với lý do anh còn thương vợ con.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Anh Phạm Văn Mười B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Võ Thị L.

- Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên: Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử phúc thẩm tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự chấp hành đúng pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Võ Thị L mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do, vì vậy Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị L theo quy định.

[2]. Về nội dung kháng cáo, xét thấy:

Chị Võ Thị L và anh Phạm Văn Mười B xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 1996, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Hậu Mỹ Phú cấp Giấy

chứng nhận kết hôn số 31, quyển số 1, ngày 16/7/2001, nên quan hệ hôn nhân giữa hai anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Theo chị L trình bày tại đơn khởi kiện và biên bản hòa giải, biên bản phiên tòa thể hiện mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2020 do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không hợp tính tình, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường xuyên cự cãi nhau, vợ chồng hàn gắn đoàn tụ nhiều lần nhưng không thành nên đã sống ly thân từ năm 2020 cho đến nay. Chị L xác định vợ chồng không còn tình cảm nên cương quyết xin ly hôn với anh B, còn anh B vắng mặt không rõ lý do mặc dù đã được Tòa án cấp sơ thẩm triệp tập và tống đạt hợp lệ nhiều lần. Anh B cũng nhận được "Thông báo thụ lý vụ án", biết rõ việc chị L xin ly hôn nhưng anh không cung cấp ý kiến, lời khai đối với vụ kiện, chứng tỏ anh không còn quan tâm đến mối quan hệ vợ chồng giữa anh và chị L và không muốn hàn gắn, đoàn tụ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, anh B thừa nhận năm 2020 giữa anh và chị L xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng có cãi nhau và anh cảm nhận chị L không còn tình cảm với anh nữa mà không rõ nguyên nhân. Anh B cũng thừa nhận vợ chồng anh đã sống ly thân từ năm 2020, mạnh ai nấy sống, không quan tâm, chăm sóc nhau, chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người là có thật và đã trở nên trầm trọng không có khả năng hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận đơn khởi kiện của chị L, cho chị L ly hôn với anh B là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Anh B kháng cáo nhưng không đưa ra được giải pháp nào để hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3]. Các phần quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật.

[4]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Về án phí: Do yêu cầu kháng cáo của anh Ba không được chấp nhận nên anh Ba phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản khoản 3 Điều 296; khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh Phạm Văn Mười B.

Giữ nguyên Bản án hôn nhân sơ thẩm số 24/2022/HNGĐ-ST ngày 16 tháng 02 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Xử:

-*Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Võ Thị L. Cho chị Võ Thị Lắm được ly hôn anh Phạm Văn Mười B.

-*Về con chung:*

Giao con chung là cháu Phạm Thị Ngọc H, sinh ngày 01/02/2012 cho chị Võ Thị Lắm trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh Phạm Văn Mười B không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Võ Thị Lắm chưa có yêu cầu.

Anh Phạm Văn Mười B được quyền thăm nom con chung không ai được quyền cản trở.

2.Về án phí: Chị Võ Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000816 ngày 26/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như đã thi hành xong phần án phí.

Anh Phạm Văn Mười B phải chịu 300.000 đồng án phí phúc thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009428 ngày 11/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang, xem như đã nộp xong án phí.

3/- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện Cái Bè;
- Chi cục THADS huyện Cái Bè;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lưu Thị Thu Thủy